

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa
trong lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18 tháng 02 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục
hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 5 tháng 4 năm 2019 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành
chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức
năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh
Bình Định nhiệm kỳ 2021 – 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành
chính trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại
Tờ trình số 207/TTr-SNN ngày 21 tháng 6 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành
chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định số 676/QĐ-BNN-

TCTS ngày 18 tháng 02 năm 2022 và Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi Quyết định 698/QĐ-UBND ngày 07 tháng 03 năm 2022 và Quyết định 1845/QĐ-UBND ngày 31 tháng 2 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (Văn phòng Chính phủ);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- Bưu điện tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, KSTT, K13.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

**DANH MỤC 02 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**
(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung chuẩn hóa	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC				Mức độ 3	Mức độ 4				
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn										
1	Cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	- 20 ngày (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu). - 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn	Có	-	Có	Phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá 5% giá thiết kế, theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (Thu tại thời điểm trả kết quả)	Chuẩn hóa thời gian giải quyết từ “20 ngày làm việc” thành “20 ngày” theo quy định Điều 16 Thông tư 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung chuẩn hóa	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC				Mức độ 3	Mức độ 4				
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 5/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn										
2	Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)	- 45 ngày (đối với cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn	Có	-	Có	Không	Chuẩn hóa thời gian giải quyết từ “ngày làm việc” thành “ngày” theo quy định Điều 37 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ; mức độ DVC trực tuyến	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 8/3/2019 của Chính phủ	-
	1.004684.000.00.00.H08	- 15 ngày (đối với cấp lại Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi, bổ sung thông tin)								